

UBND XÃ BA XA
TRƯỜNG PTDTBT THCS BA XA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /BC-THCS-BXA

Ba Xa, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, trường PTDTBT THCS Ba Xa báo cáo thường niên năm 2025 với những nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa.

2. Địa chỉ: Thôn Mang Krá, xã Ba Xa, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện Thoại:

Email: c2baxabt.quangngai@moet.edu.vn

Trang thông tin điện tử: <https://ptdtbtthcsbaxa-baxa.quangngai.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng: Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Ba Xa có sứ mệnh tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, là nơi học sinh dân tộc thiểu số được học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống. Nhà trường chú trọng bồi dưỡng lòng nhân ái, tinh thần tự lực, ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và giúp học sinh có đủ năng lực tiếp tục học lên hoặc hòa nhập đời sống lao động tại địa phương.

Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, tri thức, kỹ năng và năng lực sáng tạo, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất và năng lực cho địa phương.

4.2. Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú THCS Ba Xa phấn đấu trở thành ngôi trường tiêu biểu về chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi, là nơi mỗi học sinh đều được quan tâm, được tôn trọng, được khuyến khích phát triển năng lực, phẩm chất và ước mơ của mình. Nhà trường hướng tới xây dựng môi trường “kỷ cương – tình thương – trách nhiệm – sáng tạo”, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc tại địa phương.

4.3. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung:

Xây dựng nhà trường vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông và mục tiêu phát triển giáo dục dân tộc trong giai đoạn mới.

b. Mục tiêu cụ thể:

1. Về học sinh:

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày, có điều kiện học tập, ăn ở, sinh hoạt đảm bảo an toàn.
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS đạt trên 98%; có ít nhất 90% học sinh lên lớp thẳng.
- Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; duy trì ít nhất 1 đội tuyển học sinh giỏi tham gia thi cấp xã, tỉnh/năm học.
- Giáo dục kỹ năng sống, ý thức tự lập, tinh thần đoàn kết và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Về đội ngũ:

- 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó 80% đạt khá trở lên.
- Đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giảng dạy và quản lý.
- Xây dựng đội ngũ nhà giáo có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, gắn bó với học sinh vùng khó khăn.

3. Về cơ sở vật chất và môi trường:

- Từng bước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, khu bán trú đảm bảo an toàn, sạch đẹp, thân thiện.
- Phân đầu đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2030 và mức độ 2 vào năm 2035.
- Xây dựng môi trường giáo dục “Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn – Thân thiện”.

4. Về công tác xã hội hóa và quan hệ cộng đồng:

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong công tác giáo dục học sinh.
- Huy động các nguồn lực hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo duy trì tốt tỷ lệ chuyên cần.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường PTDTBT THCS Ba Xa được thành lập năm 2024 (Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND huyện Ba Tơ về việc thành lập Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa) trên cơ sở Trường Trung học cơ sở Ba Xa được tách ra từ trường Tiểu học Ba Xa năm 2007. Từ khi thành lập đến nay trường PTDTBT THCS Ba Xa đã thực hiện nhiệm vụ giáo dục trải qua nhiều thế hệ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tại địa phương. Trường đã góp phần tạo nhiều nguồn cán bộ cho địa phương qua các thế hệ học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

-Họ và tên: Đặng Văn Nghiệm, chức vụ: Hiệu trưởng;

-Địa chỉ nơi làm việc: Xã Ba Xa, tỉnh Quảng Ngãi

-Số điện thoại: 0975471547;

-Địa chỉ thư điện tử: vannghiembto@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND huyện Ba Tơ về việc thành lập Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Ba Tơ về việc Công nhận Hội đồng trường Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa, nhiệm kì 2024-2029.

- Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của UBND huyện Ba Tơ về việc Công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa, nhiệm kì 2024-2029.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND xã Ba Xa về việc bổ nhiệm ông Đặng Văn Nghiệm giữ chức vụ hiệu trưởng Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa.

- Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 02/8/2025 của UBND xã Ba Xa về việc bổ nhiệm ông Phạm Đông Duy giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Phổ thông

dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ba Xa.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT – BGDDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

(Có phụ lục kèm theo).

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

- Hiệu trưởng:

+Họ và tên: Đặng Văn Nghiệm, chức vụ: Hiệu trưởng:

+Địa chỉ nơi làm việc: Xã Ba Xa, tỉnh Quảng Ngãi

+Số điện thoại: 0975471547:

+Địa chỉ thư điện tử: vannghiembto@gmail.com

-Phó hiệu trưởng:

+Họ và tên: Phạm Đông Duy, chức vụ: Phó hiệu trưởng:

+Địa chỉ nơi làm việc: Xã Ba Xa, tỉnh Quảng Ngãi

+Số điện thoại: 0986787774:

+Địa chỉ thư điện tử: dongduyth@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: chưa có

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 66 /QĐ-THCS-BXA ngày 08/10/2025 của Trường PTDTBT THCS Ba Xa về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường PTDTBT THCS Ba Xa; Quyết định số 67 /QĐ-THCS-BXA ngày 08/10/2025 của Trường PTDTBT THCS Ba Xa về việc Ban hành Quy chế văn hóa công sở của trường PTDTBT THCS Ba Xa.

Các nghị quyết của hội đồng trường: Quyết định số 01 /QĐ-HĐT ngày 04/12/2025 của Chủ tịch hội đồng trường Trường PTDTBT THCS Ba Xa về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng trường của trường PTDTBT THCS Ba Xa. Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 27/5/2025 của HĐT trường PTDTBT THCS Ba Xa về việc thông qua kỳ họp cuối năm học 2024-2025 về báo cáo kết quả cuối năm học; Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 27/5/2025 của HĐT trường PTDTBT THCS Ba Xa về việc thông qua một số nội dung mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất cho nhà trường để chuẩn bị phục vụ năm học 2025-2026.

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2025 của UBND xã Ba Xa về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- Biên chế huyện giao cho trường trong năm 2025: 24 biên chế, trong đó, CBQL: 02; GV: 19; NV: 3 (không tính bảo vệ).

- Biên chế trường đang thực hiện, tổng số: 24 người, trong đó:

+ CBQL: 02; GV: 19. Nhân viên: 03.

- CB, GV, NV có trình độ đào tạo đạt chuẩn: 24/24. (Tỉ lệ 100%)

So với cùng kì năm 2024 thì tăng thêm 02 người. Trong đó 01 CBQL, 01 GV

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

Tổng số: cán bộ quản lý và giáo viên: 21, đạt chuẩn nghề nghiệp: 21/21, tỉ lệ: 100%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Tổng số: cán bộ quản lý và giáo viên: 21, hoàn thành bồi dưỡng hàng năm: 21/21, tỉ lệ: 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Trường có tổng diện tích đất 5.736 m².

Bình quân: 17,8 m² /học sinh, vượt so với quy định tối thiểu chung là 11,8 m².

Trường chỉ có 01 điểm trường. Diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình gồm:

- Nhà 6 phòng 2 tầng: 272m²
- Nhà 8 phòng 2 tầng: 907.20m²
- Nhà làm việc: 38,5m²
- Nhà ở giáo viên: 68,3m²
- Nhà ở và nhà ăn học sinh: 478m²
- Nhà vệ sinh bán trú: 43,5m²
- Nhà 6 phòng 2 tầng các phòng bộ môn: 272m²

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

-Khối phòng hành chính quản trị: trường chưa có nhà hành chính quản trị (trung dụng các phòng học để làm việc);

- Khối phòng học tập: có 14 phòng đảm bảo 01 phòng/lớp.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 04 phòng đang hoàn thiện.
- Khối phụ trợ: có 01 nhà ăn, 01 nhà ở bán trú, 01 khu vệ sinh bán trú
- Khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật: chưa có.

So với quy định chung về cơ sở vật chất tối thiểu: chưa đảm bảo.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Tổng số thiết bị hiện có: 1334 bộ, đạt so với yêu cầu tối thiểu 60-70%.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông báo số 15/TB-THCS-BXA ngày 20/8/2025 về việc thông báo Danh mục sách giáo khoa sử dụng tại trường PTDTBT THCS Ba Xa năm học 2025-2026 theo các Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2021-2022; Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử

dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2022-2023; Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2023-2024; Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Ba Tơ từ năm học 2024-2025;

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Chưa đạt mức độ 1.

(Có bảng tổng hợp và báo cáo kèm theo).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

Chưa đủ điều kiện đăng ký đánh giá ngoài.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: 2024-2025

1. Kết quả tuyển sinh:

-Số học sinh hoàn thành CTTH: 99/99

- Kết quả tuyển sinh: 99/99, đạt tỉ lệ 100%

-Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối;

Đầu năm:			
Khối	HS	Lớp	Bình Quân
khối 6	96	3	32
Khối 7	76	2	38
Khối 8	83	3	27.66
Khối 9	52	2	26
Cuối năm			
khối 6	89	3	29.66
Khối 7	75	2	37.5
Khối 8	79	3	26.33
Khối 9	50	2	25

-Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 0

-Số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Đầu năm:								
Khối	HS	HS nam	HS nữ	HS nam/HS nữ	HS là người DTTS	HS chuyển đi	HS chuyển đến	HS khuyết tật
khối 6	96	49	47	49/47	95	0	0	1
Khối 7	76	35	41	35/41	75	0	0	0
Khối 8	83	38	45	38/45	82	0	0	0
Khối 9	52	19	33	19/33	52	0	0	0
Cuối năm								
Khối	HS	HS nam	HS nữ	HS nam/HS nữ	HS là người DTTS	HS chuyển đi	HS chuyển đến	
khối 6	89	43	46	43/46	88	0	0	1
Khối 7	75	35	40	35/40	74	0	0	0
Khối 8	79	35	44	35/44	78	0	0	0
Khối 9	50	28	32	28/32	50	0	0	0

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Khối	Số HS	Được lên lớp	Ở lại lớp	Ghi chú
khối 6	89	79	10	
Khối 7	75	65	10	
Khối 8	79	74	5	
Khối 9	50	46	4	Xét TNTHCS đợt 1 là 44 em và đợt 2 là 02 em.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 46 học sinh.

Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông:

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

Nguồn kinh phí:

- Ngân sách nhà nước: **7.090.453.881** đồng
- Hỗ trợ của nhà đầu tư: 0 đồng
- Học phí, lệ phí: 0 đồng
- Các khoản thu khác từ người học: **8.880.000** đồng (tiền giấy thi)
- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác: 0 đồng
- Nguồn hoạt động khác được để lại được sử dụng trong năm (tk 3716): **187.099.612** đồng

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): **5.230.459.526** đồng.
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): **685.405.755** đồng.
- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): **1.209.456.000** đồng
- Chi khác: **75.880.000** (Tiền cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục)

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. (năm 2024)

- Đã thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, Nghị định 116/2016/NĐ-CP cho người học đúng quy định với số tiền như sau:

- + Hỗ trợ chi phí học tập: **394.350.000** đồng (Phòng GD&ĐT huyện Ba Tơ cũ cấp về)
- + Tiền ăn, ở theo nghị định 116/2016/NĐ-CP: **1.209.456.000** đồng

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: Không.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2028

a) Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Tăng cường dạy học tích hợp, dạy học theo chủ đề, dạy học gắn với thực tiễn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra, đánh giá.
- Phát triển các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, câu lạc bộ, dự án học tập.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ theo hướng phát triển phẩm chất – năng lực học sinh.
- Sử dụng hồ sơ học tập, nhận xét, rubrics, bài đánh giá năng lực thay cho đánh giá thuần túy bằng điểm số.

c) Phối hợp các lực lượng giáo dục

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện.
- Huy động nguồn lực địa phương hỗ trợ cho các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, STEM, v.v.

2. Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt

a) Hoạt động giáo dục nội trú – bán trú

- Tổ chức nề nếp sinh hoạt hằng ngày (ăn, ở, học tập, vệ sinh, rèn luyện thể chất).
- Phát động phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, xây dựng nếp sống văn minh nội trú.
- Hướng dẫn học sinh kỹ năng tự phục vụ, quản lý thời gian, giữ gìn vệ sinh cá nhân và khu tập thể.

b) Hoạt động giáo dục tiếng Việt và văn hóa dân tộc

- Tăng cường các lớp phụ đạo, câu lạc bộ tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số.
- Tổ chức hoạt động giao lưu văn nghệ, kể chuyện dân gian, ngày hội văn hóa dân tộc, tìm hiểu phong tục, lễ hội truyền thống.
- Biên soạn tài liệu bổ trợ về văn hóa – lịch sử địa phương.

c) Hoạt động hướng nghiệp và kỹ năng sống

- Dạy kỹ năng tự chăm sóc bản thân, phòng chống xâm hại, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm.
- Tổ chức hoạt động lao động – sản xuất nhỏ, chăm sóc vườn rau, chăn nuôi, giúp các em rèn kỹ năng thực tế và ý thức lao động.
- Phối hợp với các đơn vị, tổ chức xã hội tổ chức chuyên đề hướng nghiệp,

định hướng nghề nghiệp phù hợp vùng miền.

d) Hoạt động trải nghiệm và giáo dục cộng đồng

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài lớp học: tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử, địa danh, mô hình sản xuất tại địa phương.

- Phối hợp với đoàn thể, chính quyền địa phương tổ chức hoạt động “Uống nước nhớ nguồn”, “Ngày thứ bảy tình nguyện”, “Ngày chủ nhật xanh”.

- Phát động các cuộc thi thể thao, văn nghệ, trò chơi dân gian, thi đua học tập nhằm rèn luyện kỹ năng, tinh thần đoàn kết.

Trên đây là báo cáo tổng hợp thường niên năm 2025 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân của Trường PTDTBT THCS Ba Xa./.

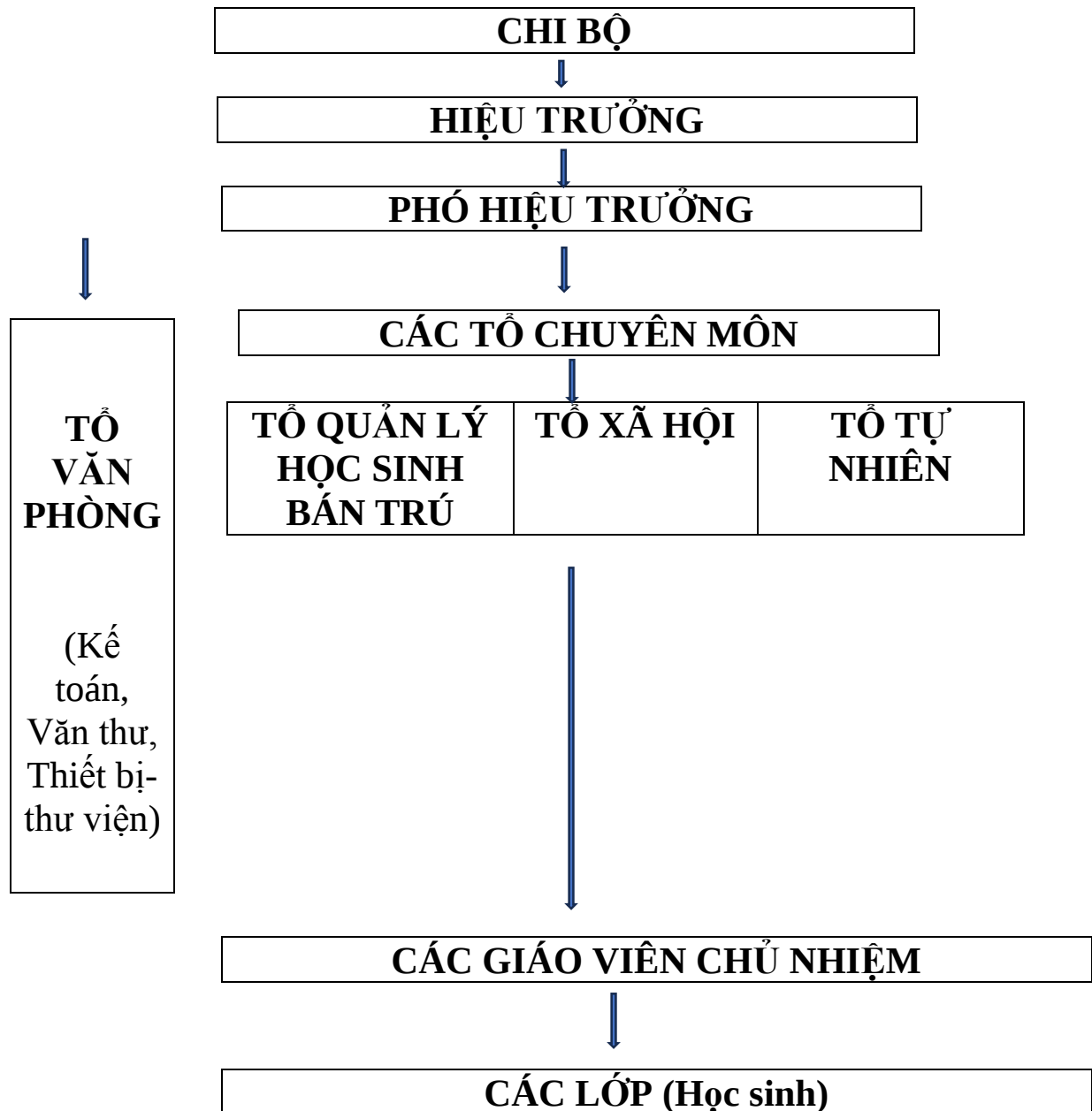
Nơi nhận:

- UBND xã (b/cáo);
- Phòng VH-XH xã Ba Xa(b/cáo);
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Văn Nghiệm

Phụ lục 1

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG

Phụ lục 2. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	X			
Tiêu chí 1.2		X	X	X
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X		
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X		
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X		
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3	X			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X		
Tiêu chí 5.2		X		
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6	X			

Kết quả: Không đạt

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		X	
Khoản 2, Điều 22	X		
Khoản 3, Điều 22		X	
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22		X	
Khoản 6, Điều 22		X	

Kết quả: Không đạt mức 4

Kết luận: Không đạt